

KẾ HOẠCH**tiếp tục triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2026-2030**

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 21/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”; các kế hoạch, thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch tiếp tục triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2026-2030 như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

- Tổ chức quán triệt sâu rộng, cụ thể hóa và triển khai đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW đến các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn tỉnh, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về vai trò của chuyển đổi số, công tác phổ cập kỹ năng số, khơi dậy động lực tự thân của mỗi người trong học tập, rèn luyện kỹ năng số, tham gia tích cực vào tiến trình chuyển đổi số của tỉnh và quốc gia.

- Triển khai sâu rộng, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” nhằm phổ cập tri thức chuyển đổi số, kỹ năng số cơ bản, cần thiết cho người dân để áp dụng trong cuộc sống hằng ngày, giúp người dân nắm bắt, tận dụng, khai thác, thụ hưởng những thành quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số mang lại.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, thực hiện nhiệm vụ, giải pháp phổ cập tri thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho người dân; đồng thời, đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Yêu cầu

- Phong trào “Bình dân học vụ số” được triển khai toàn diện, sâu rộng đến cơ sở (thôn, tổ dân phố), tạo thành cuộc vận động toàn dân thi đua học tập, rèn luyện kỹ năng số, tích cực tham gia vào tiến trình chuyển đổi số. Cán bộ, đảng viên phải tiên phong, gương mẫu thực hiện, góp phần lan tỏa tinh thần tự học, tự nâng cao tri thức, kỹ năng số; chuyển từ quá trình học tập, rèn luyện, nâng cao và ứng dụng tri thức số trở thành nhu cầu tự thân của mỗi người dân.

- Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục... nhằm kiến tạo hệ sinh thái học tập số đa dạng, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng trực tuyến, bảo đảm phương thức tiếp cận linh hoạt, phù hợp với mọi đối tượng, nhất là các nhóm yếu thế.

- Tổ chức thực hiện bảo đảm khoa học, linh hoạt, sáng tạo, sát thực tiễn; triển khai nhanh, đồng bộ, rộng khắp, có hệ thống; gắn với các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong đời sống xã hội, từng bước hình thành thói quen và văn hóa số.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện bảo đảm thực chất; đồng thời chú trọng bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong quá trình triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số”.

II- NỘI DUNG PHONG TRÀO

1. Quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung phong trào “Bình dân học vụ số”, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân trên địa bàn tỉnh về chuyển đổi số và công tác phổ cập kỹ năng số, đi đôi với nâng cao kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng.

2. Triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách; phối hợp phản ánh, tháo gỡ điểm nghẽn, rào cản về thể chế nhằm hỗ trợ và đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, công tác phổ cập kỹ năng số cho người dân với phương châm “Không ai bị bỏ lại phía sau” và “Người dân, doanh nghiệp là trung tâm, mục tiêu, động lực của chuyển đổi số”.

3. Triển khai toàn diện, đồng bộ các giải pháp, tập trung nguồn lực, huy động sự tham gia, phối hợp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh; cập nhật, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công của tỉnh; phổ cập kỹ năng số cho đoàn viên, thanh niên, học sinh, sinh viên, người lao động trong các doanh nghiệp và người dân trong học tập, nghiên cứu, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ thiết yếu khác.

4. Phát động thi đua tự học về chuyển đổi số, rèn luyện phát triển kỹ năng số đáp ứng yêu cầu chuyên đổi số của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; khai thác có hiệu quả các dịch vụ, nền tảng số, các công nghệ số, nhất là trí tuệ nhân tạo trong công việc và cuộc sống; xây dựng cơ quan, tổ chức, đơn vị số; cộng đồng số, gia đình số và công dân số.

5. Gắn kết phong trào “Bình dân học vụ số” với triển khai thực hiện các đề án, kế hoạch, chương trình có nội dung phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

III- CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Năm 2026

(1) 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công có hiểu biết về chuyên đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng tốt các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc.

(2) 100% học sinh cấp tiểu học, học sinh trung học và sinh viên được trang bị kiến thức, kỹ năng số phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, đồng thời có khả năng nhận biết được nguy cơ gây mất an toàn, lộ lọt thông tin và được trang bị kỹ năng bảo đảm an toàn trong môi trường số.

(3) Phân đầu nâng cao tỷ lệ người dân trưởng thành có tri thức cơ bản về chuyên đổi số, được trang bị kỹ năng số thiết yếu; trong đó đa số người dân có khả năng sử dụng thiết bị thông minh, khai thác thông tin, sử dụng các nền tảng, dịch vụ số thiết yếu và tham gia môi trường số an toàn; đồng thời có giải pháp hỗ trợ phù hợp đối với người cao tuổi, người yếu thế và các nhóm đối tượng đặc thù.

(4) Phân đầu trên 500.000 người dân trong độ tuổi trưởng thành được xác nhận đạt phổ cập tri thức về chuyên đổi số, kỹ năng số trên nền tảng VNeID.

(5) 100% người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có kiến thức về công nghệ số, có kỹ năng số, sử dụng tốt thiết bị thông minh để phục vụ sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động.

(6) Phân đầu trên 80% các giao dịch phổ biến trong đời sống xã hội trên địa bàn tỉnh được thực hiện không dùng tiền mặt; khuyến khích, thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng các phương thức thanh toán điện tử an toàn, tiện lợi, góp phần phát triển kinh tế số, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả của nền kinh tế.

(7) Bảo đảm 100% thôn, tổ dân phố có lực lượng nòng cốt hướng dẫn, hỗ trợ kỹ năng số (Tổ công nghệ số cộng đồng hoặc lực lượng tương đương) hoạt động thường xuyên, hiệu quả; có khả năng trực tiếp hướng dẫn, “cầm tay chỉ việc” cho người dân trong việc tiếp cận, sử dụng các nền tảng, dịch vụ số thiết yếu.

2. Giai đoạn 2027 - 2028

(1) 100% cơ quan nhà nước các cấp vận hành thông suốt mô hình chính quyền số, giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính qua nền tảng số tối thiểu 30%.

(2) 100% học sinh trung học và sinh viên được đào tạo kỹ năng ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập và nghiên cứu.

(3) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ về kỹ năng số đạt trên 30%.

(4) Phần đầu 80% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong quản lý và sản xuất.

(5) Phần đầu trên 90% các giao dịch phổ biến trong đời sống xã hội trên địa bàn tỉnh được thực hiện không dùng tiền mặt; khuyến khích, thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng các phương thức thanh toán điện tử an toàn, tiện lợi, góp phần phát triển kinh tế số, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả của nền kinh tế.

3. Giai đoạn 2029 - 2030

(1) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 40,5%.

(2) 100% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử và được quản lý qua hệ thống y tế số.

(3) 100% các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ứng dụng công nghệ số để giám sát môi trường và xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn.

(4) 100% các hệ thống thông tin của cơ quan Đảng, Nhà nước được bảo vệ an toàn theo mô hình 4 lớp; kiểm chế và kéo giảm tội phạm mạng tối thiểu 10% hàng năm.

(5) 100% các “Chợ số”, “Nông thôn số” vận hành hiệu quả mô hình thanh toán không dùng tiền mặt và thương mại điện tử.

IV- CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Truyền thông và tuyên truyền

1.1. Thực hiện truyền thông sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng, các cơ quan báo chí, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử của các cấp, các ngành, các nền tảng mạng xã hội về chuyển đổi số và Phong trào “Bình dân học vụ số”. Kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến, các sáng kiến, mô hình, cách làm hay, sáng tạo trong triển khai thực hiện phong trào trên địa bàn toàn tỉnh.

1.2. Phát huy vai trò của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, huy động những người có ảnh hưởng trong cộng đồng, Tổ công nghệ số cộng đồng, lực lượng đoàn viên thanh niên, hội viên tham gia truyền thông, lan tỏa sâu rộng Phong trào. Phổ biến đến từng hộ gia đình, người dân về mục đích, ý nghĩa của lợi ích, tầm quan trọng của việc làm chủ công nghệ số, kỹ năng số trong tiến trình chuyển đổi số đối với đời sống hàng ngày và sự phát triển của địa phương.

1.3. Lồng ghép, triển khai “Ngày hội toàn dân học tập số” vào Kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10) hàng năm.

Kết hợp giữa các hoạt động trực tuyến và trực tiếp tại các địa phương như tổ chức các hội thảo, tọa đàm và hội nghị; trải nghiệm và hướng dẫn sử dụng các nền tảng, dịch vụ số, lớp học số cho cộng đồng.

1.4. Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Phong trào gắn với các sự kiện chính trị, các ngày kỷ niệm lớn, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; huy động sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức và kỹ năng số đến cộng đồng.

1.5. Cung cấp thông tin về Phong trào “Bình dân học vụ số” trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh tới đông đảo các tầng lớp Nhân dân với nhiều phương tiện, hình thức khác nhau để người dân thuận lợi trong tiếp cận thông tin.

2. Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định, hướng dẫn của Trung ương về Phong trào “Bình dân học vụ số”

2.1. Thực hiện đạt mục tiêu phổ cập kỹ năng số cho bốn nhóm đối tượng: (i) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước; (ii) học sinh, sinh viên; (iii) người lao động trong các doanh nghiệp; (iv) người dân theo hướng dẫn của Trung ương.

2.2. Khẩn trương cụ thể hóa và triển khai thực hiện nghiêm túc các hướng dẫn của Trung ương về công tác thi đua, khen thưởng tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp, cống hiến, đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện Phong trào sát với thực tiễn của tỉnh.

2.3. Xây dựng và ban hành các chính sách nhằm thu hút cộng đồng, doanh nghiệp công nghệ, các tổ chức xã hội tích cực tham gia hiệu quả Phong trào tại tỉnh

3. Triển khai chương trình phổ cập kỹ năng số

3.1. Căn cứ quy định của Trung ương xây dựng văn bản cụ thể hóa chương trình phổ cập phù hợp với khung kỹ năng số của từng nhóm đối tượng phổ cập, tập trung vào nội dung cốt lõi, tăng cường thực hành, ứng dụng trong công việc và đời sống.

3.2. Triển khai các tài liệu, bài giảng theo quy định cho cả người dạy và người học, phù hợp để đưa lên các nền tảng trực tuyến, đáp ứng số lượng lớn người tham gia học tập.

4. Triển khai các nền tảng số

4.1. Tổ chức thực hiện và duy trì các dịch vụ, nền tảng số thuộc nhiều lĩnh vực, ngành nghề để người dân thực hành, sử dụng ngay trong quá trình rèn luyện kỹ năng số như: cổng dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng thanh toán số, nền tảng thương mại điện tử, nền tảng học tập trực tuyến... khuyến khích phát triển, ứng dụng các nền tảng số phục vụ các lĩnh vực thiết yếu của đời sống như: y tế, giáo dục, nông nghiệp, thương mại, giao thông... từng bước hình thành hệ sinh thái nền tảng số đồng bộ, liên thông, phục vụ toàn diện nhu cầu của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4.2. Triển khai nền tảng tích hợp với VNeID để tuyên truyền về chuyển đổi số, định danh, xác thực người học, phục vụ đào tạo, đánh giá, xác nhận trình độ phổ cập kỹ năng số, năng lực số theo hướng tự động.

4.3. Nền tảng trợ lý ảo hỗ trợ học tập tri thức cơ bản về chuyển đổi số, phát triển kỹ năng số dựa trên công nghệ xử lý ngôn ngữ tự nhiên. Hệ thống sử dụng trí tuệ nhân tạo nhằm cá nhân hóa nội dung học, bảo đảm trải nghiệm phù hợp với trình độ và nhu cầu của từng người dùng.

5. Phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho từng nhóm đối tượng

5.1. Cập nhật, nâng cao tri thức, phổ cập kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan Đảng, nhà nước

a) Xây dựng hướng dẫn việc tổ chức sinh hoạt chuyên đề “Đảng viên tiên phong học tập kỹ năng số” trong các tổ chức cơ sở đảng trong tỉnh, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của đảng viên trong việc học tập, nâng cao nhận thức, phát triển kỹ năng số, thúc đẩy chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Xây dựng hướng dẫn việc tổ chức sinh hoạt chuyên đề về “Chuyển đổi số”, gắn với việc tiếp tục thực hiện tổ chức sinh hoạt chuyên đề “Đảng viên tiên phong học tập kỹ năng số” trong các tổ chức cơ sở đảng trong tỉnh (theo tinh thần Hướng dẫn số 04-HD/BTGDVTU, ngày 10/11/2025 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy về tổ chức sinh hoạt chuyên đề “Đảng viên tiên phong học tập kỹ năng số”), nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của đảng viên trong việc học tập, nâng cao nhận thức, phát triển kỹ năng số, thúc đẩy chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn để cập nhật, nâng cao trình độ về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phù hợp với tiến trình chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị. Gắn việc đào tạo, bồi dưỡng với yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cấp ủy, chính quyền các cấp

d) Lồng ghép, đưa nội dung chuyển đổi số, phát triển kỹ năng số vào các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước theo quy định. Định kỳ kiểm tra, đánh giá năng lực và cấp giấy chứng nhận kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

5.2. Giáo dục kỹ năng số cho học sinh, sinh viên

a) Tích hợp kỹ năng giáo dục kỹ năng số cho học sinh, sinh viên trong chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học. Đặc biệt coi trọng kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục và đào tạo.

b) Triển khai chương trình “Học từ làm việc thực tế”, trong đó liên kết với các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đào tạo với doanh nghiệp để

xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số theo yêu cầu thực tế và đặt hàng của doanh nghiệp.

c) Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, phát triển các mô hình giáo dục mới dựa trên công nghệ số và trí tuệ nhân tạo, tạo dựng môi trường để học sinh, sinh viên tiếp cận, hình thành kỹ năng số và hưởng lợi từ thành quả chuyển đổi số của ngành. Tổ chức các kỳ thi đánh giá năng lực số thường xuyên để học sinh, sinh viên biết mình đang ở đâu và cần cải thiện điều gì.

d) Phát huy vai trò của học sinh, sinh viên trong hoạt động tình nguyện tham gia phổ cập kỹ năng số cho người dân, trước hết là người thân trong gia đình, những người có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế.

5.3. Khuyến khích doanh nghiệp chuyển đổi số, phổ cập kỹ năng số cho người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp về vai trò, lợi ích của chuyển đổi số trong nâng cao hiệu quả quản trị, sản xuất, kinh doanh và năng lực cạnh tranh. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, lựa chọn và ứng dụng các giải pháp số phù hợp, như: phần mềm quản lý doanh nghiệp, kế toán số, quản trị khách hàng, thương mại điện tử, chữ ký số, hóa đơn điện tử.

b) Tổ chức các chương trình tư vấn, đào tạo, kết nối doanh nghiệp với các nhà cung cấp giải pháp công nghệ; xây dựng các mô hình điểm về chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa để nhân rộng. Khuyến khích doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ số vào sản xuất, kinh doanh; từng bước tham gia sâu vào chuỗi giá trị số. Đẩy mạnh liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh với các nền tảng số, doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp viễn thông nhằm hình thành hệ sinh thái kinh tế số trên địa bàn tỉnh. Gắn việc phát triển kinh tế số với các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; ưu tiên các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế; bảo đảm phát triển bền vững, bao trùm, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm.

c) Tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng số để công nhân và người lao động tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nắm vững xu hướng chuyển đổi số của đơn vị, ứng dụng công nghệ mới để nâng cao năng suất, hiệu quả lao động.

d) Tổ chức các khóa đào tạo, hướng dẫn người lao động về cách sử dụng các công cụ và phần mềm quản lý sản xuất, vận hành máy móc tự động hóa, giám sát và kiểm tra chất lượng sản phẩm, các kiến thức, kỹ năng về thương mại điện tử.

5.4. Phổ cập kỹ năng số cho lực lượng nông cốt tại cơ sở

a) Tổ chức đào tạo, tập huấn cho lực lượng nông cốt tại cấp xã, thôn, tổ dân phố (thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng, cán bộ đoàn thể, cán bộ thôn, tổ trưởng dân phố...) về kiến thức, kỹ năng số cơ bản và phương pháp hướng dẫn người dân.

b) Trang bị kỹ năng “cầm tay chỉ việc”, kỹ năng truyền đạt, hướng dẫn thực hành, giúp người dân dễ hiểu, dễ làm, dễ áp dụng trong thực tế.

c) Phát huy vai trò của lực lượng này trong việc trực tiếp tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng các nền tảng, dịch vụ số thiết yếu.

5.5. Phổ cập kỹ năng số cho người dân

a) Định kỳ hằng tuần, tổ chức các buổi học cộng đồng cho người dân trên địa bàn các xã, phường. Tập trung vào các nội dung thiết thực, có thể áp dụng ngay, gắn với triển khai các đề án của Chính phủ và của tỉnh về chuyển đổi số quốc gia. Khuyến khích người dân tham gia học tập kỹ năng số trên các nền tảng học trực tuyến mở đại trà.

b) Tổ dân phố phối hợp với Tổ công nghệ số cộng đồng, đoàn thanh niên, doanh nghiệp công nghệ số, hội phụ nữ và các tổ chức xã hội nghề nghiệp cử hội viên có hiểu biết công nghệ hướng dẫn người dân, nhất là người cao tuổi, lao động phổ thông sử dụng các nền tảng, dịch vụ số theo hướng “cầm tay chỉ việc”.

c) Tổ chức các lớp học “Bình dân học vụ số” cho người cao tuổi về sử dụng Internet, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, nhất là an toàn số và chăm sóc sức khỏe trực tuyến.

d) Tổ chức các lớp phổ cập công nghệ, kỹ năng số chuyên biệt cho người khuyết tật với chương trình giảng dạy phù hợp khả năng và nhu cầu của từng nhóm. Duy trì và nâng cấp các trang tin điện tử hỗ trợ người khuyết tật, bảo đảm giao diện thân thiện, tích hợp các công cụ hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận văn bản, âm thanh, dịch thuật... theo tiêu chuẩn quốc tế.

e) Hỗ trợ người nghèo, vùng xa trung tâm tiếp cận, sử dụng dịch vụ, nền tảng số. Thực hiện đồng bộ các chính sách nhằm bảo đảm người mọi người dân có khả năng tiếp cận, sử dụng công nghệ số, thu hẹp khoảng cách số giữa đô thị và nông thôn.

5.6. Hỗ trợ tiểu thương, hộ kinh doanh tham gia thương mại điện tử

Tổ chức tập huấn, hướng dẫn tiểu thương, hộ kinh doanh cá thể về kỹ năng bán hàng trên các nền tảng số, sàn thương mại điện tử và mạng xã hội; kỹ năng xây dựng nội dung quảng bá sản phẩm, tiếp cận khách hàng trên môi trường số. Hướng dẫn đăng ký gian hàng, tạo tài khoản, quản lý đơn hàng, thanh toán và vận chuyển trên các nền tảng thương mại điện tử; từng bước số hóa quy trình bán hàng. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu số, quảng bá sản phẩm địa phương; thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm qua các kênh trực tuyến, đặc biệt là sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

5.7. Hướng dẫn nông dân ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh

Tổ chức đào tạo, tập huấn cho nông dân về ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp, như: sử dụng ứng dụng theo dõi, quản lý sản xuất; cập nhật thông tin thị trường, thời tiết; áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật thông qua nền

tảng số. Hướng dẫn nông dân tham gia các sàn thương mại điện tử nông sản; xây dựng và quảng bá sản phẩm trên môi trường số; kết nối cung – cầu, mở rộng thị trường tiêu thụ. Hỗ trợ áp dụng các giải pháp truy xuất nguồn gốc sản phẩm, tem điện tử, mã QR; nâng cao tính minh bạch, chất lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp. Khuyến khích ứng dụng công nghệ số trong tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị; từng bước hình thành mô hình “nông dân số”, “hợp tác xã số”.

6. Bảo đảm an toàn thông tin và kỹ năng số an toàn

6.1. Tuyên truyền, hướng dẫn phòng chống lừa đảo trên mạng

a) Tổ chức tuyên truyền thường xuyên, liên tục về các phương thức, thủ đoạn lừa đảo phổ biến trên không gian mạng như: giả mạo cơ quan nhà nước, tổ chức tài chính, lừa đảo qua điện thoại, tin nhắn, mạng xã hội, ứng dụng số... Xây dựng các tài liệu, video hướng dẫn ngắn gọn, dễ hiểu về cách nhận biết, phòng tránh và xử lý khi gặp các tình huống lừa đảo; phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng và nền tảng số.

b) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn trực tiếp cho người dân, nhất là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương (người cao tuổi, người ít tiếp cận công nghệ); nâng cao khả năng tự bảo vệ khi tham gia môi trường số. Phát huy vai trò của lực lượng công an, Tổ công nghệ số cộng đồng, đoàn viên, thanh niên (nòng cốt là lực lượng đoàn viên, thanh niên) trong việc tuyên truyền, cảnh báo, hỗ trợ người dân phòng, chống lừa đảo trên không gian mạng.

6.2. Nâng cao nhận thức và kỹ năng bảo vệ dữ liệu cá nhân

Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư trên môi trường số; nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân trong việc bảo vệ thông tin cá nhân. Hướng dẫn người dân thiết lập và sử dụng các biện pháp bảo mật cơ bản như: mật khẩu an toàn, xác thực hai lớp, bảo mật tài khoản, hạn chế chia sẻ thông tin cá nhân trên mạng. Hướng dẫn sử dụng an toàn các nền tảng số, dịch vụ số, đặc biệt là các ứng dụng tài chính, ngân hàng, thương mại điện tử; nâng cao kỹ năng phòng ngừa rủi ro mất an toàn thông tin. Tăng cường tuyên truyền về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

6.3. Phổ cập kỹ năng nhận diện thông tin xấu độc, sai lệch

a) Tuyên truyền, hướng dẫn người dân nhận diện các loại thông tin xấu độc, tin giả, thông tin sai sự thật trên không gian mạng; nâng cao khả năng phân tích, kiểm chứng thông tin trước khi tiếp nhận và chia sẻ. Hướng dẫn kỹ năng tra cứu, đối chiếu thông tin từ các nguồn chính thống; khuyến khích người dân sử dụng các kênh thông tin chính thức của cơ quan nhà nước, báo chí chính thống.

b) Phát huy vai trò của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên trong việc định hướng dư luận, lan tỏa thông tin tích cực, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng. Gắn việc phổ cập kỹ năng nhận diện thông tin

với giáo dục ý thức trách nhiệm công dân trên môi trường số, góp phần xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh, văn minh trên không gian mạng.

c) Tăng cường ứng dụng công nghệ, nền tảng số trong việc cảnh báo sớm, phát hiện và xử lý các nguy cơ mất an toàn thông tin; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong bảo đảm an ninh, an toàn không gian mạng trên địa bàn tỉnh.

7. Triển khai các mô hình, phong trào lan tỏa kỹ năng số cho cộng đồng

7.1. Tổ chức thực hiện mô hình mạng lưới “Đại sứ số” để phổ cập kỹ năng số cho cộng đồng qua mô hình Người hướng dẫn - Người học. Mỗi người hướng dẫn kỹ năng số cho ít nhất 05 người học. Mỗi đơn vị cấp xã bố trí ít nhất một nhân sự hỗ trợ, hướng dẫn khi người dân đến làm thủ tục hành chính nhưng không đủ kỹ năng thao tác trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.

7.2. Tổ chức thực hiện Phong trào “Gia đình số”. Mỗi hộ gia đình có ít nhất một thành viên tham gia học tập, có hiểu biết về chuyển đổi số, kỹ năng số, sử dụng được nền tảng, dịch vụ số và hướng dẫn cho các thành viên trong gia đình.

7.3. Tổ chức thực hiện Mô hình “Chợ số - Nông thôn số”: Tiêu thương, nông dân và người dân khu vực nông thôn được đào tạo qua mô hình học tập 4T (Tiêu thương - Thương mại điện tử - Thanh toán không dùng tiền mặt - Tiết kiệm số), giúp người học nắm vững các kỹ năng, sử dụng công nghệ, nền tảng số trong công việc kinh doanh.

7.4. Tổ chức thực hiện Mô hình “Mỗi công dân - Một danh tính số”: Bảo đảm 100% công dân từ 16 tuổi có danh tính số, hỗ trợ người dân cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID, tài khoản ngân hàng số.

7.5. Tổ chức thực hiện mô hình “Tổ công nghệ số cộng đồng”: Phát huy cao độ vai trò, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ công nghệ số cộng đồng đã được thành lập trong triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” với phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”, nhất là ở vùng nông thôn, những nơi có điều kiện khó khăn bảo đảm mọi người dân đều được phổ cập kỹ năng cơ bản về chuyển đổi số.

7.6. Phát động “Chiến dịch Thanh niên chung tay phổ cập kỹ năng số”: Các cơ sở đoàn từ tỉnh đến cơ sở thực hiện chiến dịch thường xuyên theo chuyên đề riêng hoặc lồng ghép vào hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, Tổ thanh niên chuyển đổi số. Thanh niên tình nguyện tổ chức các lớp, nhóm hướng dẫn cho người dân cách thức cài đặt, sử dụng các phần mềm, ứng dụng, sản phẩm, dịch vụ số.

7.7. Xây dựng, triển khai mô hình học tập và sử dụng thành thạo trí tuệ nhân tạo (AI) trong hỗ trợ công việc, cải thiện năng suất, chất lượng thực hiện nhiệm vụ; nâng cao hiệu quả hành chính công, quản lý dữ liệu, tiết kiệm thời gian và nguồn lực, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

8. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh

8.1. Các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số hỗ trợ triển khai hạ tầng số trên địa bàn toàn tỉnh, đặc biệt là các xã xa trung tâm, các cơ sở khó khăn để sẵn sàng hạ tầng Internet, mạng 4G/5G... triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”.

8.2. Triển khai các chương trình, gói ưu đãi sử dụng sản phẩm, dịch vụ số để khuyến khích người dân tích cực sử dụng và hưởng ứng Phong trào “Bình dân học vụ số”. Tham gia phát triển đa dạng các nền tảng số, phục vụ chính quyền, người dân.

V- KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí triển khai thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số” được bố trí trong kinh phí thực hiện các chương trình, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt về chuyển đổi số; từ nguồn ngân sách của Nhà nước theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách; huy động từ các nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác.

VI- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy, các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai, thường xuyên theo dõi, đôn đốc, nắm tình hình việc tổ chức thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số”; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng quý, 06 tháng, 01 năm (đối với kỳ báo cáo quý không trùng với kỳ báo cáo 06 tháng, 01 năm) và báo cáo đột xuất về Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Ban Chỉ đạo tỉnh về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ giải pháp tại phần IV: mục 1.1, 1.2, 1.5, mục 5.1 (a, b), mục 6.1 (a), mục 6.2, mục 6.3 (a, b)

2. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

Phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát việc triển khai, tổ chức thực hiện Phong trào.

3. Văn phòng Tỉnh ủy

Phối hợp Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy các đơn vị liên quan triển khai, theo dõi, đôn đốc việc triển khai tổ chức thực hiện phong trào.

4. Công an tỉnh

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng để triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”. Lồng ghép thực hiện Phong trào vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do Công an tỉnh chủ trì.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hưởng ứng Phong trào trong toàn ngành công an.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ giải pháp tại phần IV: mục 4.2, 4.3, mục 6.1 (b), mục 6.3 (c), mục 7.4, 7.5.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy các đơn vị liên quan triển khai, theo dõi, đôn đốc việc triển khai tổ chức thực hiện phong trào.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ giải pháp tại phần IV: mục 1.3, 2.1, 2.3.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số bảo đảm hạ tầng, đường truyền, kết nối Internet để thực hiện phong trào tại mục 8.

- Lồng ghép thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số” vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy các đơn vị liên quan triển khai, theo dõi, đôn đốc việc triển khai tổ chức thực hiện phong trào.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ giải pháp tại phần IV: mục 3.1, 3.2, 5.2, 7.7.

- Chỉ đạo cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp đóng góp về cơ sở vật chất, hạ tầng số, nhân lực số hỗ trợ triển khai phong trào.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hưởng ứng phong trào “Bình dân học vụ số” trong toàn ngành giáo dục và đào tạo; Lồng ghép thực hiện phong trào vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do Sở chủ trì.

7. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan triển khai lồng ghép phong trào “Bình dân học vụ số” trong các chương trình, kế hoạch phát triển thương mại điện tử, chuyển đổi số ngành Công Thương giai đoạn 2026-2030.

Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn hoạt động thương mại trên môi trường số, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật; nâng cao nhận thức, kỹ năng bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong giao dịch điện tử.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ giải pháp vụ giải pháp tại phần IV: mục 5.3, 5.6, 7.3.

8. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” cho nhóm đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong khu vực công.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hưởng ứng phong trào “Bình dân học vụ số” trong toàn ngành nội vụ; Lồng ghép thực hiện phong trào vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do Sở chủ trì.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ giải pháp tại phần IV: mục 2.2, 5.1 (c, d).

9. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và lộ trình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Phong trào.

10. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng của tỉnh

- Tuyên truyền triển khai thực hiện kế hoạch hưởng ứng phong trào “Bình dân học vụ số” tới toàn thể đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh. Lồng ghép thực hiện phong trào vào triển khai các chương trình, đề án, các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh chủ trì, phát động, nhất là phong trào “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023 - 2030”.

- Tăng cường giám sát, phản biện xã hội đối với các tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, trong quá trình thực hiện phong trào; biểu dương, tôn vinh các tấm gương điển hình tiên tiến.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ giải pháp tại phần IV: mục 1.4, 4.1, 5.4, 5.5, 5.7, 7.1, 7.2, 7.6.

11. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

- Chỉ đạo cấp ủy, tổ chức đảng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” tại địa phương, đơn vị, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế. Lồng ghép thực hiện các phong trào vào kế hoạch, đề án, chương trình chuyển đổi số của địa phương, đơn vị. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích trong thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số”.

- Huy động sự tham gia của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cá nhân trong việc hỗ trợ kinh phí, sơ sở vật chất hợp pháp để thực hiện phong trào.

12. Các cơ quan thông tin, truyền thông

Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền nội dung kế hoạch triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, mở các chuyên trang, chuyên mục, tăng cường các tin, bài, những mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo, nhưng điển hình tiên tiến trong phong trào, góp phần lan tỏa tinh thần tự học, tự nâng cao tri thức, kỹ năng số trong cộng đồng.

Trên đây là Kế hoạch tiếp tục triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2026-2030; thay thế Kế hoạch số 440-KH/TU, ngày 20/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Ban Chỉ đạo (qua Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy) để tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng (*để báo cáo*),
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương (*để báo cáo*),
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Thành viên Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên,
- Thành viên Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo,
- VPTU: LĐVPTU, phòng CDS-CY^{Đai},
- Lưu: VPTU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Phạm Quang Ngọc